



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội

Ngày 31/03/2025	25,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.0%	-	-0.8%

DT thuần Q1/25
96.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 56.0 138%
YoY: ▲ 62.2 181%

LN thuần Q1/25
42.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.9 264%
YoY: ▲ 27.8 188%

LN sau thuế Q1/25
34.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.0 238%
YoY: ▲ 22.3 189%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
44.9%
YoY: +/- ▲ 12.1%

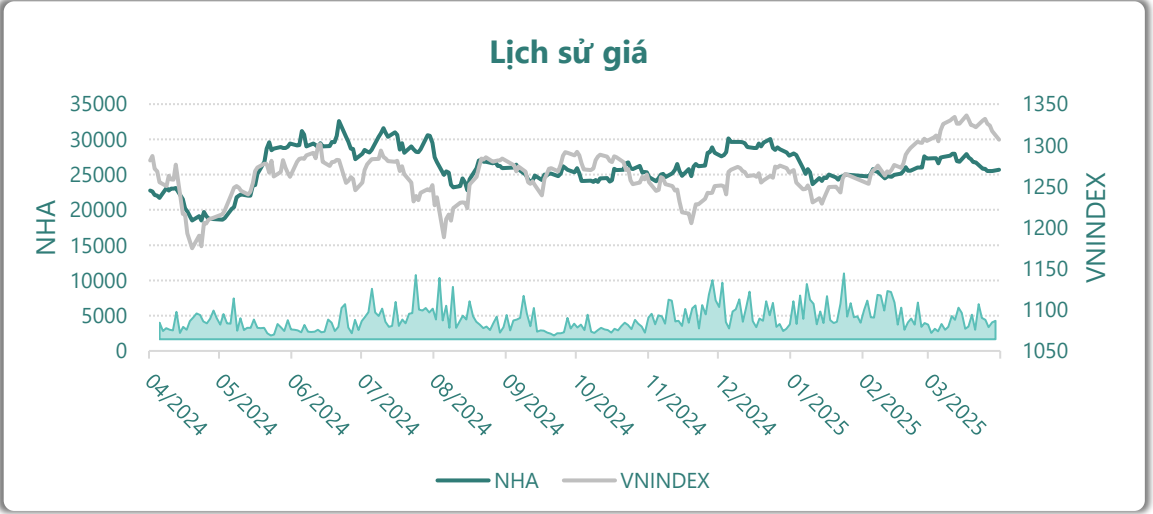
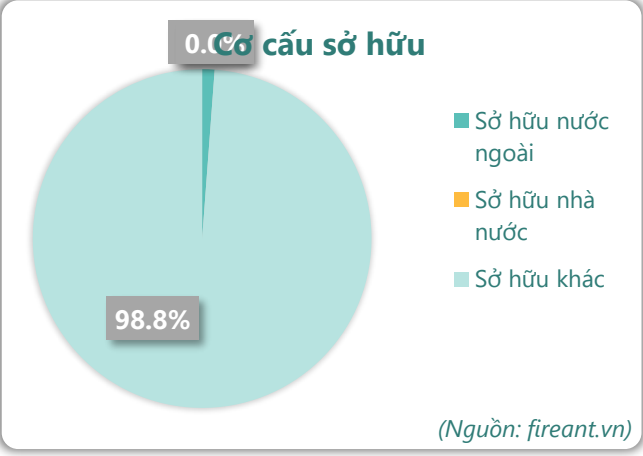
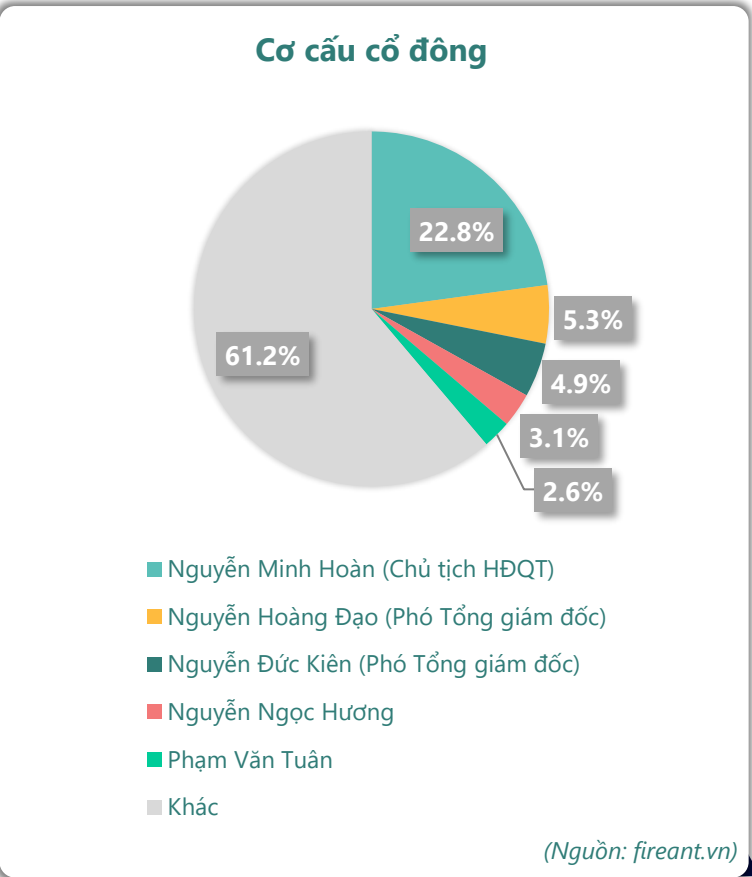
ROE (TTM) Q1/25
17.2%
YoY: +/- ▲ 3.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,500 - 32,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,135
Số lượng CPLH (CP)	44,174,520
KLGD BQ 20 phiên (CP)	724,515
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	
EPS	1,933
P/E	13.3

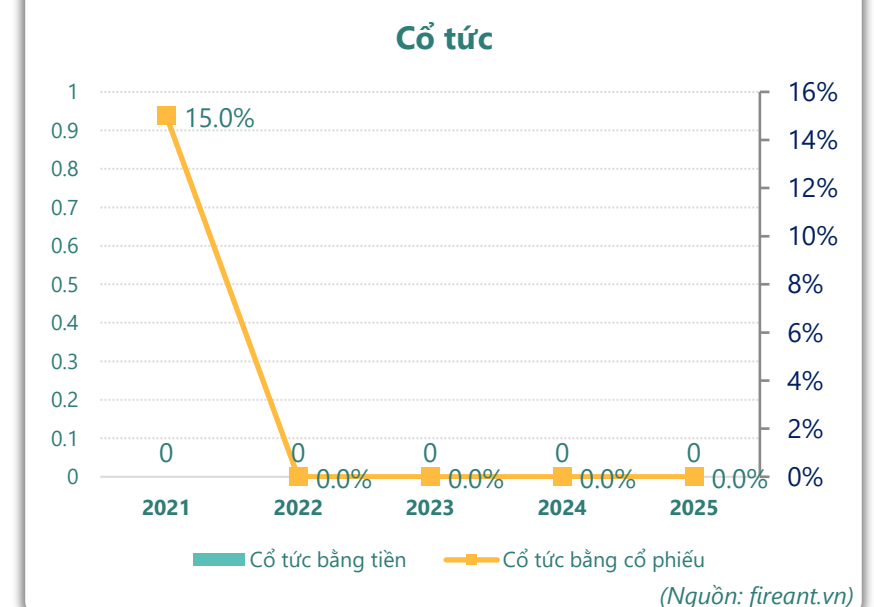
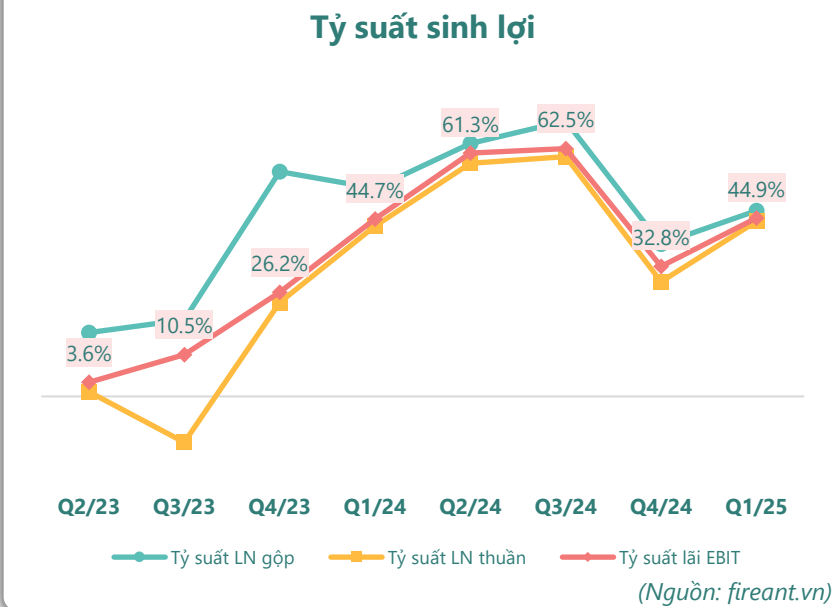
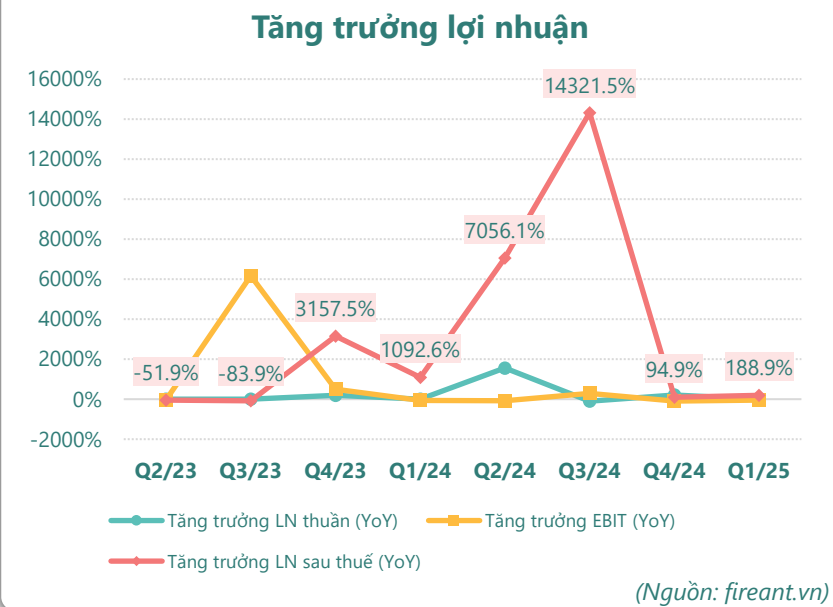
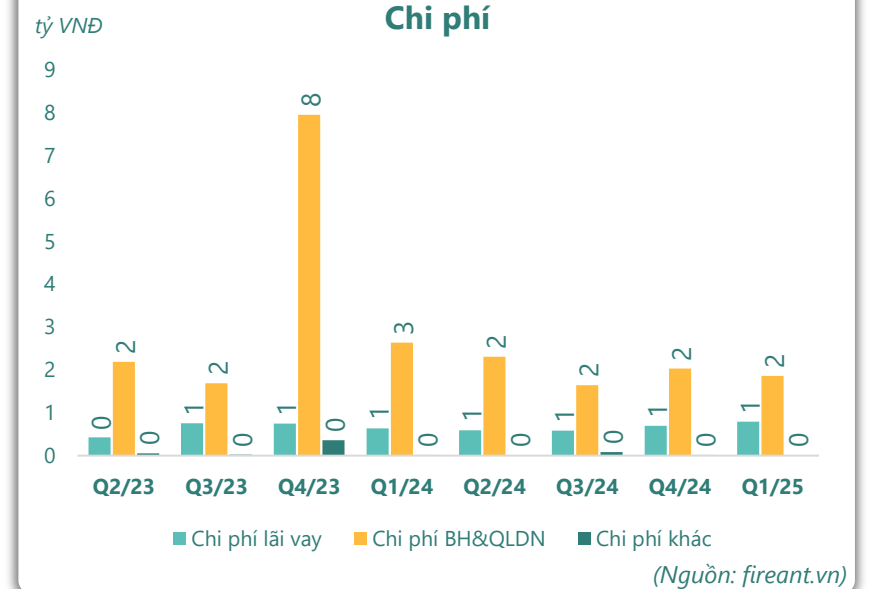
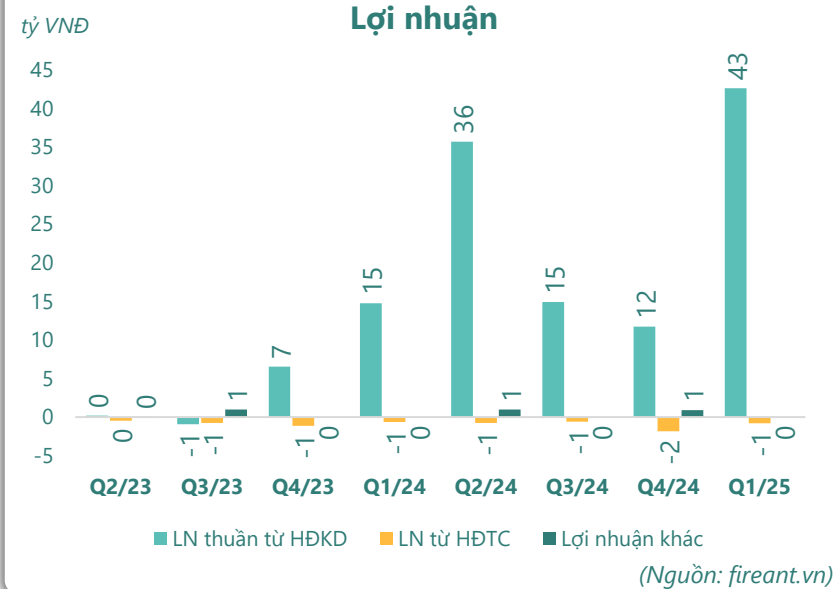
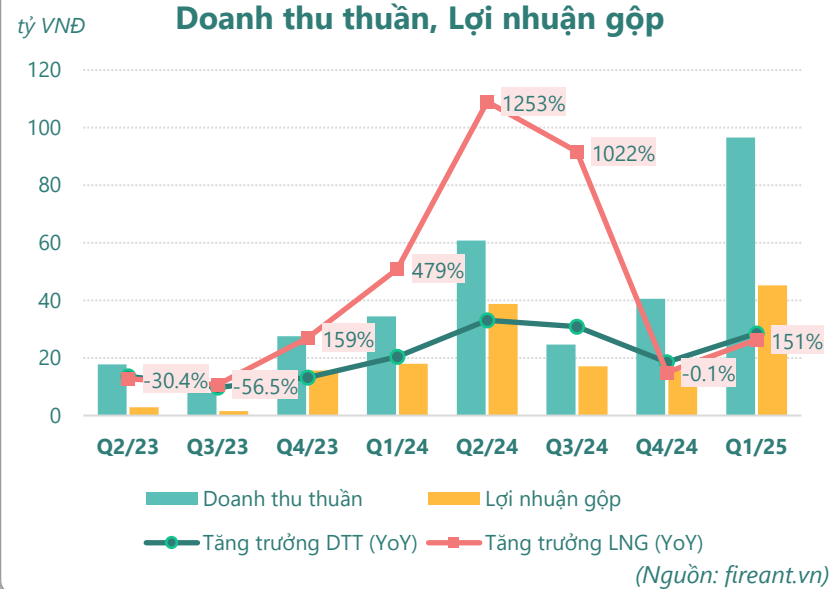
DT thuần 2024
160
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 86.9 119%

LN thuần 2024
77.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.1 1051%

LN sau thuế 2024
63.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.1 969%



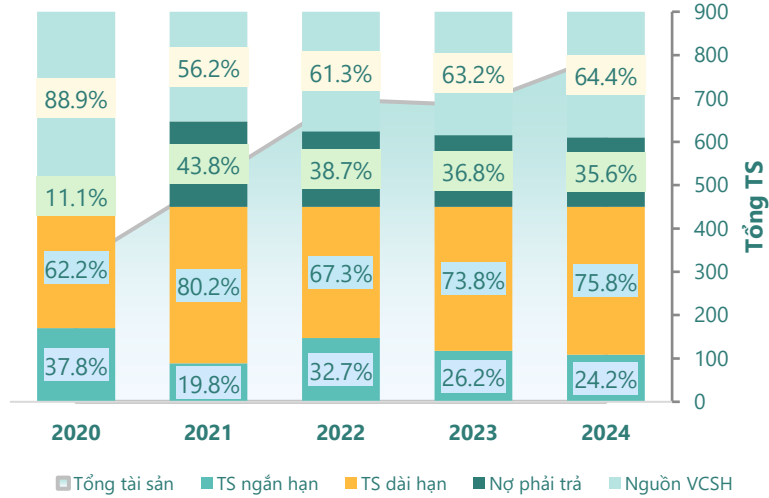
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

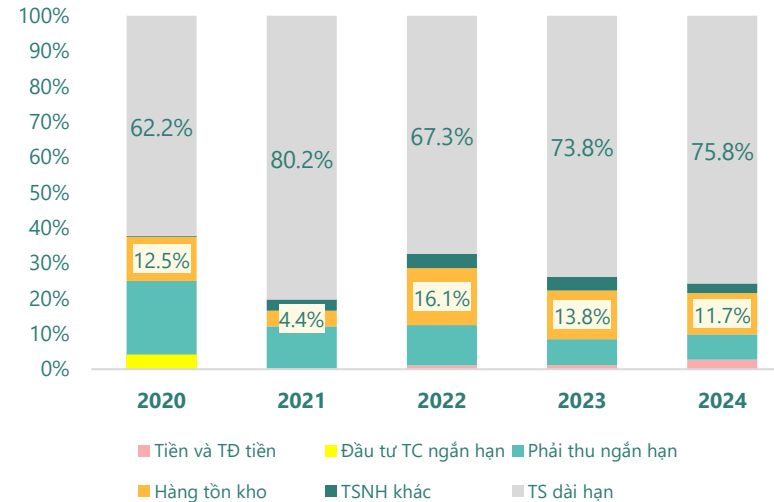
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

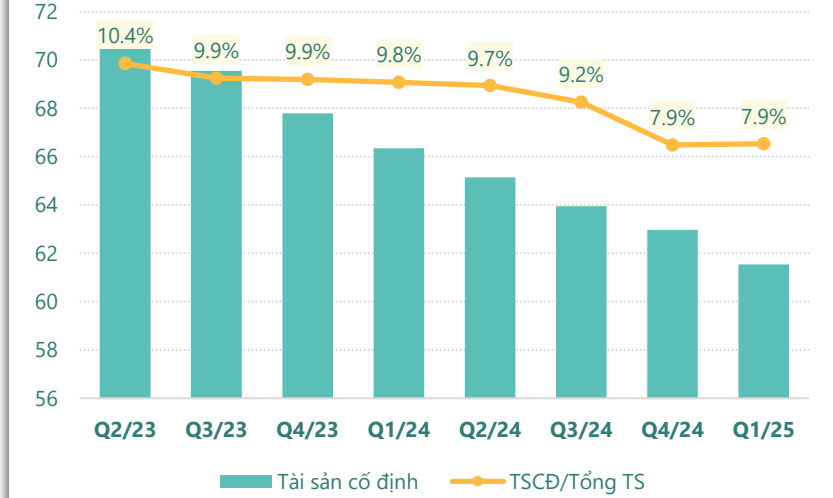
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

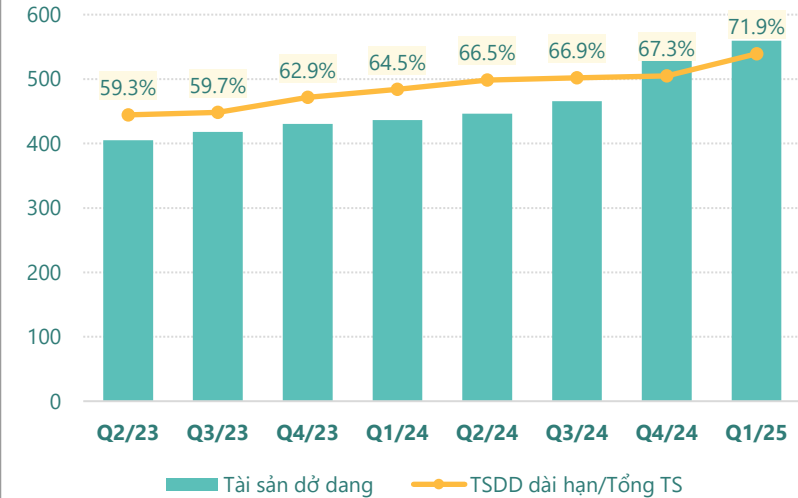
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

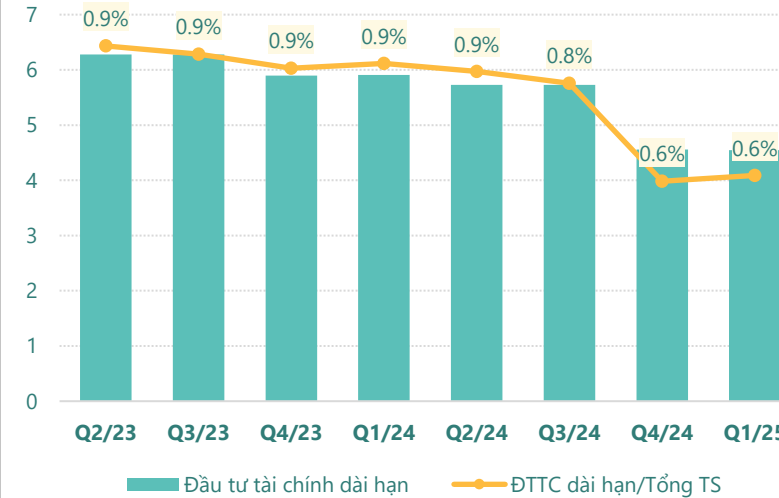
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

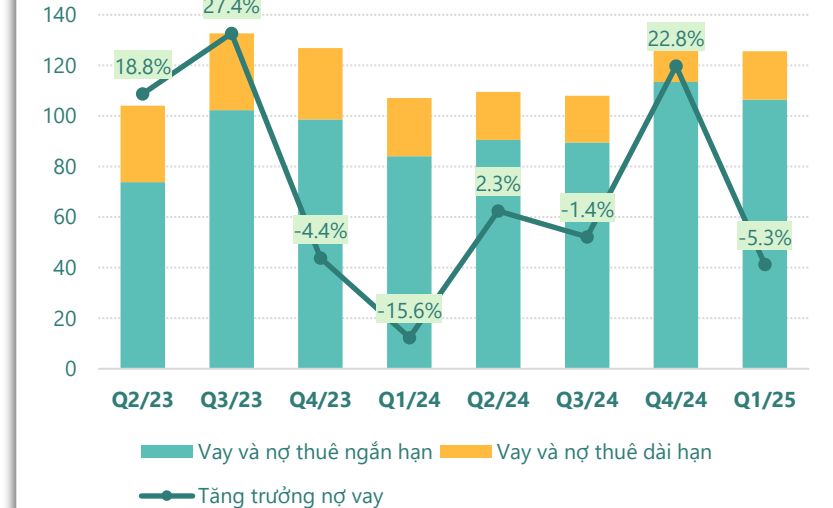
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

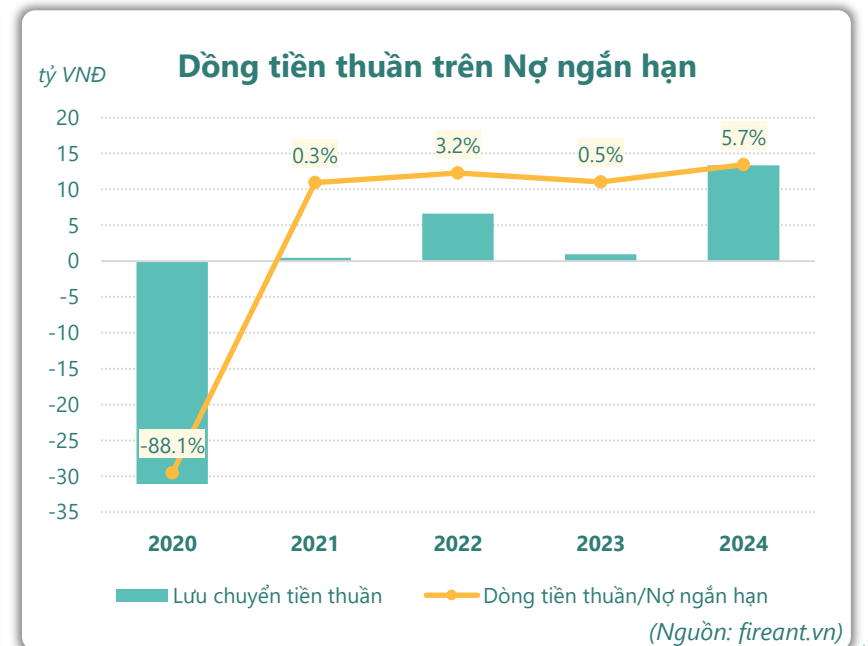
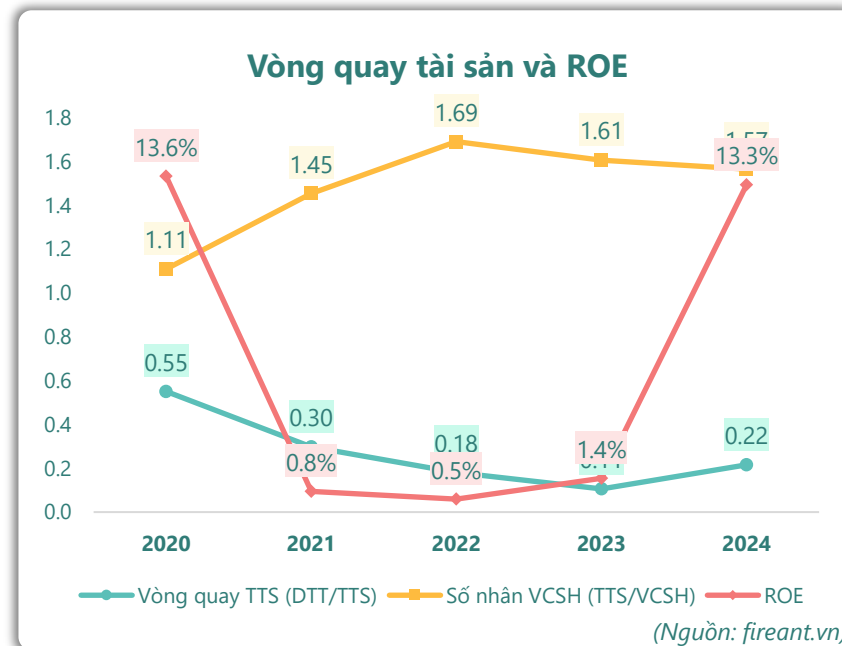
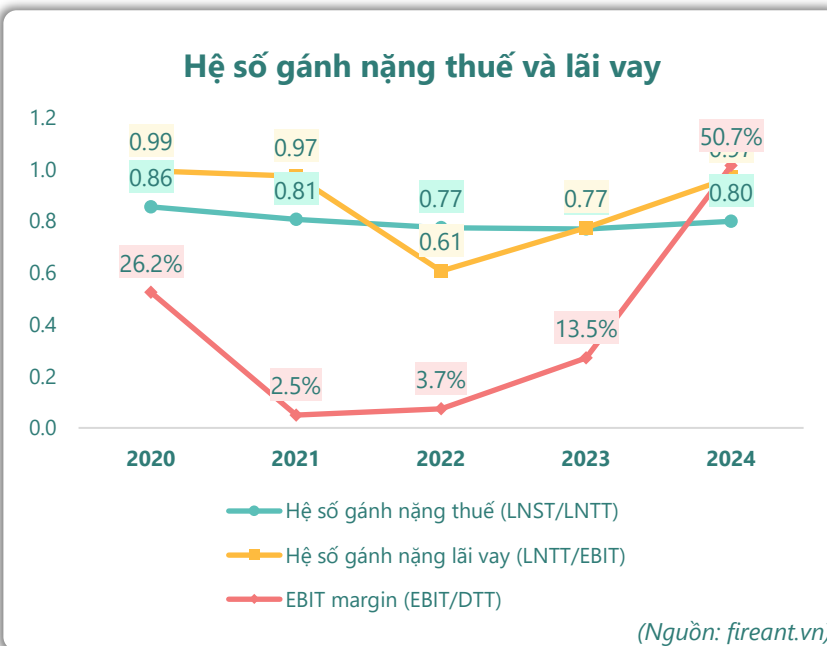
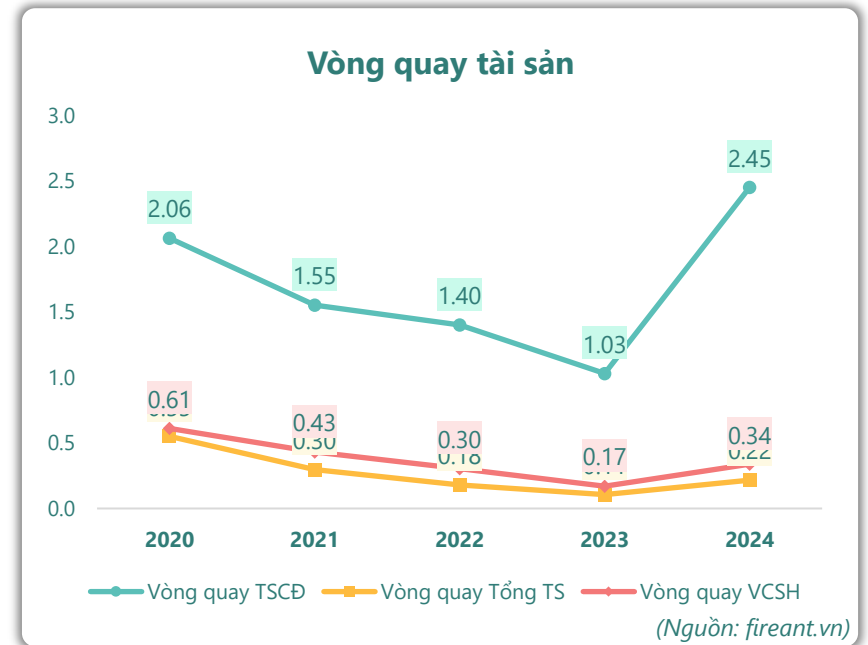
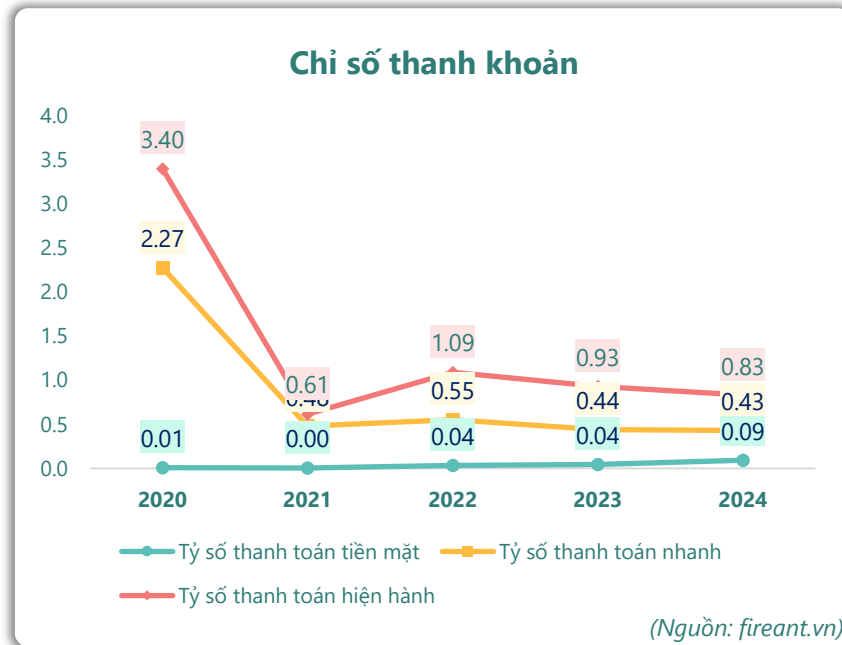
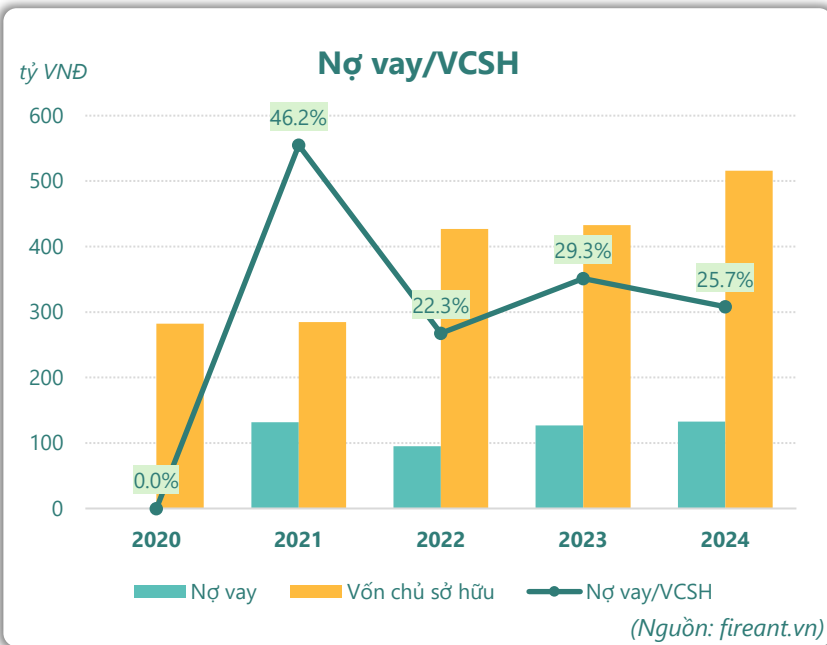
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	96.6	34.4	181%	160	73.1	119%
Giá vốn hàng bán	51.3	16.4	213%	70.9	50.1	41.6%
Lợi nhuận gộp	45.3	18.0	151%	89.4	23.1	288%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	31.5%	0.05	0.01	541%
Chi phí TC	0.79	0.64	24.1%	3.87	2.65	46.2%
Chi phí lãi vay	0.79	0.64	24.1%	2.51	2.23	12.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.86	2.64	-29.6%	7.69	13.6	-43.7%
LN thuần từ HĐKD	42.6	14.8	188%	77.9	6.77	1051%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.02	51.4%	0.86	0.89	-3.8%
LN trước thuế	42.6	14.8	188%	78.8	7.66	929%
Lợi nhuận sau thuế	34.1	11.8	189%	63.0	5.89	969%
LNST của CĐ cty mẹ	34.1	11.8	189%	63.0	5.89	969%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.5	32.7	6.19	-11.0	66.3	15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.5	-4.38	-10.8	-2.98	-88.5	-22.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.80	-19.8	2.45	18.5	24.6	-7.00
Tiền đầu kỳ	1.10	8.29	16.9	14.7	19.2	21.6
Lưu chuyển tiền thuần	7.19	8.57	-2.20	4.54	2.44	-14.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.29	16.9	14.7	19.2	21.6	7.47

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	779	801	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	152	194	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	7.47	21.6	-65.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.8	57.4	0.8%
Hàng tồn kho	69.9	93.5	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	17.1	21.5	-20.5%
Tài sản dài hạn	626	607	3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	61.5	63.0	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	560	539	3.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.55	4.55	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.49	0.06	793%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	228	285	-19.8%
Nợ ngắn hạn	178	234	-24.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	113	-6.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	16.0	-8.9%
Nợ dài hạn	50.9	50.9	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.2	19.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	550	516	6.6%
Vốn chủ sở hữu	550	516	6.6%
Vốn điều lệ	442	442	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

